

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **344/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/8/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Thanh Bình**

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái.**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:398/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Tấn T**, sinh năm 1986; Cư trú: tổ 46, ấp Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú, An Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1981; Cư trú: ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

(Ông T có mặt, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 07/5/2019 với các tài liệu kèm theo của ông Huỳnh Tấn T trình bày: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T được hình T là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau, rồi về chung sống với nhau như vợ chồng, từ đó đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn cách nay 11 năm, nguyên nhân là do sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây cãi nhau, cuộc sống không cải thiện được. Từ đó ông bà ly thân nhau cho đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà T có 02 con chung, Huỳnh Thị Trúc My, sinh ngày 25/10/2000; Huỳnh Tấn Lợi, sinh ngày 21/5/2005; Hiện cháu My đã trưởng T; cháu Lợi hiện đang sống với ông T; khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại biên bản ghi nhận lời khai ngày 13/8/2019 bà T trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông T hình T do hai người tự tìm hiểu nhau trước rồi về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Bà và ông T mâu thuẫn nhau cách nay 11 năm, nguyên nhân là do sống không hợp nhau, thường xuyên gây nhau nhiều lần nên làm mất hạnh phúc. Từ đó ly thân nhau đến nay. Về con chung có 02 con chung: Huỳnh Thị Trúc My, sinh ngày 25/10/2000; Huỳnh Tấn Lợi, sinh ngày 21/5/2005, Hiện cháu My đã trưởng T, cháu Lợi hiện đang sống với ông T; bà thống nhất để cháu Lợi cho ông T tiếp tục nuôi dạy. Về quan hệ tài sản chung: không có; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà T theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với T phần HĐXX không có T viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhân thấy, ông T và bà T là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, hai người có 02 con chung, bà T cho rằng mâu thuẫn nha cách nay 11 năm nên cũng đồng ý với yêu cầu của ông T, tài sản chung nợ chung khai không có, về quan hệ hôn nhân do các bên chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên không công nhận ông T và bà T là quan hệ vợ chồng, từ những quan điểm trên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải có mặt nguyên đơn và bị đơn, được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 68, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà T được hình T là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau, rồi tự về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2000 và hai người chung sống nhau từ thời gian đó; do hai bên cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình, huyện An Phú, An Giang. Do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp, nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Qua biên bản xác minh ngày 02/8/2019, ông Huỳnh Văn Cường –Công an viên xã Khánh An cung cấp thông tin như sau: Theo ông được biết thì hiện nay ông T và bà T không còn chung sống với nhau, hiện nay bà T đã đi làm ăn xa ít về địa phương nhưng hộ khẩu thường trú vẫn còn ở ấp An Khánh, xã Khánh An chưa chuyển đi nơi khác.

Tuy nhiên đến nay cả hai vẫn chưa đăng ký kết hôn, Tòa án Quyết định áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố: Không công nhận ông T và bà T là quan hệ vợ chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Ông T và bà T cùng trình bày là trong thời gian chung sống hai người có 02 con chung: Huỳnh Thị Trúc My, sinh ngày 25/10/2000; Huỳnh Tấn Lợi, sinh ngày 21/5/2005; Hiện cháu My đã trưởng thành, cháu Lợi hiện đang sống với ông T, cả hai thống nhất giao cháu Lợi cho ông T tiếp tục nuôi dạy.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con, tuy nhiên ông T không yêu cầu cấp dưỡng nên công nhận tự nguyện của ông T.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai người xác định không có, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Huỳnh Tấn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 15; Điều 16; Khoản 2 Điều 53; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Tấn T và bà Nguyễn Thị Thanh T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Công nhận thỏa thuận giữa ông T và bà T về việc nuôi con chung, giao cháu Huỳnh Tấn Lợi, sinh ngày 21/5/2005 cho ông T nuôi.

Công nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Ông T cùng các T viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa T niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông Huỳnh Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011286 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông T đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt được tính kể từ thời điểm tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Khánh An;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi